



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

# **KIẾN NGHỊ QUÝ II NĂM 2024**

## **CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

**Địa chỉ:** 207 Đường Giải Phóng,  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
**Điện thoại:** (84-24) 36280280  
**Fax:** (84-24) 38695992  
**Cổng TTĐT:** [www.neu.edu.vn](http://www.neu.edu.vn)

# **KIẾN NGHỊ QUÝ II NĂM 2024**

## **CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**Hà Nội, 2024**



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**  
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

**KIẾN NGHỊ QUÝ II NĂM 2024**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

**Hà Nội, 2024**

*Trong thời gian vừa qua, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tập hợp các nhà khoa học hàng đầu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và chốt lọc thành các kiến nghị gửi đến Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các Bộ Ban ngành Trung ương, với mong muốn đóng góp vào quá trình phát triển chung của nền kinh tế, xứng đáng là địa chỉ tin cậy của Đảng và Chính phủ trong tư vấn xây dựng các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Dưới đây là chốt lọc các kiến nghị Quý 2 năm 2024 về một số chủ đề quan trọng của nền kinh tế trong thời gian qua.*

## **Chủ đề 1: Giải pháp phát triển thị trường vàng ổn định và bền vững**

Mặc dù không còn được biết đến với vai trò là một loại tiền tệ, vàng vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Việt Nam là một đất nước mà người dân có thói quen và nhu cầu cao về cất trữ, tiêu dùng, đầu tư, đầu cơ vàng. Do đó, trong khoảng 20 năm trở lại đây, Chính phủ và các bộ, ban ngành đã liên tục thay đổi các chính sách quản lý liên quan đến thị trường vàng để vận hành và điều tiết thị trường một cách hiệu quả, đảm bảo biến động của giá vàng không ảnh hưởng đến tỷ giá, thị trường ngoại hối và sự ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể, trước diễn biến phức tạp của thị trường vàng đầu những năm 2000, Nhà nước đã ban hành một loạt các văn bản theo hướng thắt chặt hoạt động thị trường vàng nhằm ổn định thị trường vàng nói riêng và kinh tế vĩ mô nói chung, bao gồm: (i) chấm dứt hoạt động của sàn giao dịch vàng và kinh doanh vàng trên tài khoản ở trong nước (Thông báo 369/TB-VPCP); (ii) quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng (Thông tư 11/2011/TT-NHNN), (iii) quy định về quản lý hoạt động kinh doanh

vàng (Nghị định 24/2012/NĐ-CP), (iv) quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngoại hối và vàng (Nghị định 96/2014/NĐ-CP). Đặc biệt, trong các chính sách đã ban hành, Nghị định 24/2012/NĐ-CP được đánh giá là văn bản toàn diện nhất, góp phần cơ cấu và tổ chức lại toàn bộ thị trường vàng Việt Nam dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước.

Nghị định 24/2012/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng của Chính phủ ban hành đã góp phần giải quyết những tồn đọng và bất cập của chính sách quản lý thị trường vàng tại thời điểm đầu những năm 2000, khi thị trường này còn nhiều diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm áp dụng cùng với những biến chuyển không ngừng của nền kinh tế, mục đích sử dụng hay đầu tư vàng của người dân cũng đã thay đổi, đòi hỏi nhà nước cần có những biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng thông qua việc điều chỉnh những điểm chưa phù hợp của Nghị định trong bối cảnh thời đại mới. Nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đề xuất 04 kiến nghị chính như sau:

***Kiến nghị 1.1: Giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp vào thị trường vàng***

NHNN cần sớm sửa đổi Nghị định 24 theo hướng không can thiệp trực tiếp vào thị trường vàng bằng các biện pháp hành chính, chỉ quản lý và hoạch định chính sách, điều tiết dự trữ ngoại hối bằng vàng theo quy định pháp luật hiện hành. Cụ thể:

- Không nên một mình giữ quyền sản xuất vàng miếng mà nên cân nhắc nghiên cứu việc cấp phép cho một số doanh nghiệp đủ điều kiện thực hiện nhập khẩu và sản xuất vàng miếng để cân đối cung - cầu và đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích trữ của người dân.



- Cần sớm thay đổi, ban hành nghị định mới phù hợp với thông lệ quốc tế. Theo Khoản 1, Điều 14, NĐ 24/2012/NĐ-CP, NHNN là đơn vị duy nhất xuất nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. NHNN nên giữ vị trí quản lý thị trường vàng thông qua việc ban hành các chính sách tối ưu khác thay vì giữ vai trò như một tổ chức kinh doanh vàng với chức năng mua và bán như hiện tại.

- Nghiên cứu xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển gắn liền thị trường vàng với thị trường hàng hóa, thị trường tài chính phù hợp với định hướng thúc đẩy nền kinh tế và hội nhập kinh tế. Không thể tách rời mà phải làm sao biến thị trường vàng thành một cấu thành của thị trường tài chính, đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Cần sửa đổi NĐ 24 để loại bỏ những bất cập nêu trên hiện nay.

### ***Kiến nghị 1.2: Liên thông thị trường vàng trong nước với thị trường vàng thế giới***

NHNN cần có các biện pháp nhằm loại bỏ chênh lệch giá, đặc biệt là giá vàng SJC, tiến tới tự do hóa xuất, nhập khẩu vàng:

- Xem xét cho một số doanh nghiệp được sản xuất vàng miếng để cung ứng cho thị trường. Điều này phù hợp với thông lệ quốc tế và sẽ giúp giảm chênh lệch giá vàng miếng SJC trong nước và quốc tế.

- Ngành công nghiệp sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ chưa được chú trọng phát triển, đề nghị đưa sản xuất, kinh doanh vàng trang sức - mỹ nghệ khỏi danh mục kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV, Luật Đầu tư năm 2020, bởi lẽ không giống như vàng miếng, vàng trang sức - mỹ nghệ là hàng hoá bình thường.

- NHNN xem xét cho phép doanh nghiệp sản xuất vàng trang sức được nhập khẩu vàng nguyên liệu. Hiện nay, thị trường vàng tương đối ổn định nên việc xem xét cấp giấy phép nhập khẩu cho doanh nghiệp là cần thiết, không nên tiếp tục kéo dài thêm “giải pháp tình thế” đã áp dụng trong suốt 10 năm qua. NHNN nên đưa ra phương án hỗ trợ các doanh nghiệp vàng trong nước được tiếp cận với nguồn vàng nhập khẩu để các doanh nghiệp có sự lựa chọn về nguồn cung đầu vào, giúp nâng cao chất lượng về sản phẩm cuối cùng. Bên cạnh đó, chính sách mở cửa vàng nguyên liệu còn tạo động lực cho các doanh nghiệp trong nước có cơ hội được hợp tác với các doanh nghiệp quốc tế nhằm học hỏi lẫn nhau và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây cũng là động lực để khối doanh nghiệp tư nhân yên tâm đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại dùng trong quá trình sản xuất, thúc đẩy ngành công nghiệp phát triển theo hướng bền vững.

- Đề nghị Bộ Tài chính đưa thuế xuất khẩu vàng trang sức về 0% như cũ, thay vì tăng lên 1% như ban hành mới đây, để khuyến khích xuất khẩu, tái tạo nguồn ngoại tệ, đồng thời tăng sức cạnh tranh của nghệ mỹ nghệ kim hoàn của Việt Nam. Thuế suất bằng 0% sẽ giúp sản phẩm vàng trang sức - mỹ nghệ của Việt Nam cạnh tranh tốt hơn với sản phẩm của các quốc gia khác trong Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), vì các nước này cũng đều đang áp thuế 0%.

### ***Kiến nghị 1.3: Sớm chuyển đổi từ thị trường vàng vật chất sang vàng kỳ hạn***

Hiện nay, thị trường vàng Việt Nam là thị trường hiệu theo nghĩa hẹp, tức là chỉ được phép giao dịch các loại hàng hóa là vàng vật chất, còn vàng kỳ hạn thì không được phép thực hiện do không có quy định. Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP đã quy định rõ hoạt động kinh doanh vàng khác khi chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép và

NHNN cấp giấy phép là hành vi vi phạm pháp luật. Để phát triển thị trường vàng, Việt Nam cần sớm chuyển đổi sang thị trường vàng kỳ hạn, giao dịch thông qua Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền chọn.

- Cần cho phép thực hiện huy động vốn thông qua phát hành chứng chỉ chứng nhận vàng. Việc sử dụng chứng chỉ vàng có những ưu điểm là an toàn, tiện lợi, không sợ vàng giả, vàng thiếu tuổi, thiếu trọng lượng, không mất phí gia công đập ra vàng miếng. Đặc điểm của vàng huy động thông qua phát hành chứng chỉ, là người gửi vàng không được phép rút vàng trước hạn, thay vì hình thức tiết kiệm như trước đây. Để đảm bảo tính nhất quán, chứng chỉ chứng nhận vàng sẽ do NHNN phát hành với các biện pháp bảo đảm an toàn và thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện. Việc mua, bán chứng chỉ chứng nhận vàng sẽ được phép thực hiện với những quy định chặt chẽ của NHNN và là những giao dịch đầu tư hoàn toàn tự nguyện. Người sở hữu chứng chỉ chứng nhận vàng cũng có quyền chuyển đổi chứng chỉ chứng nhận vàng thành vàng vật chất sau thời hạn ghi trên chứng chỉ.

- Trong dài hạn, Chính phủ nên xây dựng một thị trường vàng hiện đại, để thị trường vàng trong nước liên thông với thị trường vàng thế giới, một thị trường cho phép vàng trong dân được đưa vào lưu thông trong hệ thống tín dụng thông qua chứng chỉ vàng và sản vàng quốc gia.

- Đồng bộ với những bước đi trên, NHNN cần xây dựng các điều kiện, tiêu chí cụ thể đối với từng loại hình kinh doanh vàng, cũng như đảm bảo khả năng giám sát đối với thị trường vàng bằng những công cụ giám sát hiệu quả hơn. Việc nghiên cứu để thành lập chính thức hệ thống thị trường vàng với những thiết chế tập trung phù hợp sẽ có ý nghĩa quan trọng để khơi thông nguồn vốn vật chất quan trọng này đối với nền kinh tế.

### ***Kiến nghị 1.4: Thay đổi tư duy quản lý nhằm tăng cường huy động nguồn lực vàng trong dân cư***

Trong những năm qua, nhờ triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp về ổn định kinh tế vĩ mô và các giải pháp hạn chế tình trạng đô-la hóa và vàng hóa trong nền kinh tế, quản lý có hiệu quả thị trường ngoại tệ và thị trường vàng cùng với các giải pháp tăng cường công tác quản lý tài sản, NHNN đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Do vậy, cần mạnh dạn thay đổi tư duy quản lý thị trường vàng. Chống vàng hóa không thể bằng giải pháp hành chính mà là phải chuyển hướng từ giao dịch vàng miếng sang giao dịch các sản phẩm khác của vàng (chứng chỉ vàng, công cụ phái sinh,..) trên một trung tâm giao dịch tập trung. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ và NHNN cần:

- Tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định, nhiều tiềm năng để thu hút tài sản đầu tư của người dân chảy qua các tài sản và kênh đầu tư có lợi hơn. Xuất phát từ phong tục, quan niệm bao đời nay, người dân Việt Nam vẫn duy trì thói quen tích trữ vàng miếng trong nhà. Chỉ khi người dân thấy hành động để vốn “chôn” trong vàng không có lợi bằng đem tiền ra đầu tư vào nền kinh tế, nhưng thứ “ít nằm chết” hơn, sẽ thôi thúc lượng vàng trong dân chảy ra nền kinh tế. Có thể hiểu rằng người dân đổ tiền cho việc tích trữ vàng phản ánh người dân đang ở thế “phòng thủ”. Do vậy, muốn họ từ bỏ thế “phòng thủ” đó, đòi hỏi Nhà nước và các cơ quan liên quan xây dựng và hình thành nên một thị trường vàng ổn định, bảo hộ và đảm bảo lợi ích hợp lý của người sở hữu vàng.

- Cần sớm cho phép Sở Giao dịch hàng hóa giao dịch mặt hàng vàng kỳ hạn thông qua Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền chọn



như các quốc gia tiên tiến trên thế giới. Các thành viên tham gia phải đáp ứng những tiêu chuẩn chặt chẽ, được phép xuất nhập khẩu vàng (căn cứ theo đặc tả Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn vàng do Sở Giao dịch hàng hóa ban hành).

- Cho phép thành lập các quỹ tín thác bằng vàng (ETF-Exchange Traded Fund) như một công cụ tài chính quốc tế. Chứng chỉ quỹ cũng có thể được mua bán trên Sở giao dịch hàng hóa, sẽ khuyến khích người dân gửi vàng, bỏ vốn vào sản xuất kinh doanh, đầu tư, thay vì nắm giữ vàng miếng. ETF nếu được mua bán, tham gia các sản phẩm forward, futures, options trên sàn thế giới, được xuất nhập khẩu vàng thì dự trữ vàng của ETF sẽ có một vai trò như quỹ bình ổn, giảm bớt áp lực cho NHNN khi xảy ra sốt giá, giúp tạo lập môi trường kinh tế vĩ mô ổn định.

## **Chủ đề 2: Tăng cường chất lượng điều hành chính sách tài khóa-tiền tệ và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính ngân hàng**

Để đảm bảo hệ thống tài chính ngân hàng an toàn, lành mạnh nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin đề xuất một số kiến nghị sau:

### ***Kiến nghị 2.1: Tăng cường hiệu quả của các chính sách tài khóa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế***

*Thứ nhất*, Chính phủ kiên quyết chỉ đạo các Bộ ngành và các địa phương cần có các biện pháp cụ thể, sát thực tế, nâng cao trách nhiệm chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch của năm 2024 và các năm sau, đặc biệt với các dự án giao thông lớn. Trên cơ sở đó tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với các doanh nghiệp và các ngành nghề có liên quan trong chuỗi giá trị xây dựng. Bên cạnh

đó thúc đẩy tiêu dùng của người dân được đền bù giải phóng mặt bằng.

*Thứ hai*, Bộ Tài chính xem xét tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến điều hành chính sách tài chính, thuế, quản lý công sản, thị trường chứng khoán, phát hành trái phiếu DN, NHTM làm đại lý bán bảo hiểm nhân thọ; sửa đổi, đề xuất sửa đổi kịp thời các quy định có liên quan khác. Cần có biện pháp cụ thể đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu lại các DNNN, bổ sung vốn điều lệ của các NHTM NN đã cổ phần hóa, đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa Agribank. Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ, Quốc hội nội dung sửa đổi bổ sung Luật thuế GTGT, tập trung vào 5 nội dung: đối tượng không chịu thuế; cách tính thuế; thuế suất; khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào; hoàn thuế. Các Luật thuế khác cũng cần được sửa đổi, bổ sung theo đúng kế hoạch.

*Thứ ba*, Bộ Tài chính cần đẩy mạnh các giải pháp để ổn định, phát triển lành mạnh, an toàn, hiệu quả với hai thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường chứng khoán. đảm bảo niềm tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

*Thứ tư*, Bộ Tài chính nâng cao chất lượng thanh tra, giám sát thực hiện các luật về thuế, hải quan, bảo hiểm, TTCK, chi tiêu công, sử dụng tiền NSNN, quản lý công sản. Đặc biệt là các khâu hoàn thuế, miễn giảm thuế, nợ đọng thuế, tăng minh bạch trong hoạt động bảo hiểm, giao dịch chứng khoán, sử dụng đất công.

*Thứ năm*, Bộ Xây dựng cần đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án bất động sản, hướng dẫn các doanh nghiệp bất động sản cơ cấu lại các phân khúc, giảm giá bán sản phẩm.

*Thứ sáu*, Bộ Công an tiếp tục chủ trương không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, quyết liệt xử lý các vi phạm của các tổ chức,

cá nhân trá hình kinh doanh tiền tệ, tạo điều kiện (môi trường) củng cố và phát triển hệ thống các tổ chức tài chính cho vay tiêu dùng, góp phần ngăn chặn tín dụng đen.

*Thứ bảy*, Bộ Tài chính đánh giá khách quan dự trữ lương thực quốc gia, giảm quy mô dự trữ, tăng vòng quay đổi mặt hàng gạo hàng năm. Tiếp tục thu gọn bộ máy ngành thuế, Ngân hàng phát triển, Kho bạc tỉnh, thành phố. Cần hình thành Chi cục thuế gồm 3-4 huyện thị xã, thay cho 2 huyện hiện nay. Cần hình thành Ngân hàng Phát triển, Cục thuế khu vực, Kho bạc nhà nước khu vực gồm 3-4 tỉnh thành phố, thay cho hiện trạng hiện nay.

*Thứ tám*, Bộ Tài chính cần có kế hoạch và triển khai cụ thể về rà soát tài sản công nói chung, trước tiên là các bộ ngành TW, thực hiện trước tiên tại NHNN Việt Nam.

### ***Kiến nghị 2.2: Điều hành chính sách tiền tệ một cách linh hoạt và khoa học nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế***

*Thứ nhất*, NHNN cần khẩn trương tiếp tục hạ lãi suất cho vay trong nền kinh tế thông qua các công cụ điều hành chính sách tiền tệ và biện pháp quản lý thuộc chức năng. Cụ thể, i) giảm 0,5% tất cả các loại lãi suất điều hành; ii) Giảm phí thông tin tín dụng tại CIC và đề nghị cấp có thẩm quyền giảm phí Bảo hiểm tiền gửi.

*Thứ hai*, NHNN nên bổ sung thêm gói tín dụng ưu đãi từ nguồn tái cấp vốn với lãi suất thấp cho các NHTM để cho vay một số đối tượng, lĩnh vực cần được ưu tiên, khuyến khích trong nền kinh tế. Linh hoạt cấp hạn mức tín dụng cho các NHTM có khả năng tăng trưởng tín dụng tốt. Tốt nhất NHNN nên bỏ ngay hạn mức tín dụng ngay trong năm 2024, thay vào đó là các cơ chế và biện pháp đảm bảo an toàn tín dụng.

*Thứ ba*, NHNN khẩn trương triển khai phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán” (Hệ thống SIMO), hoàn thiện và đẩy mạnh khai thác “Hệ thống thu thập thông tin trực tuyến” (Hệ thống ODCS) để kết nối, truy vấn, thu thập, giám sát số dư tài khoản đảm bảo thanh toán của các TCTGTT.

*Thứ tư*, Bộ Tài chính và NHNN phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; tăng vốn điều lệ cho các NHTM sở hữu của nhà nước, quản lý thị trường trái phiếu, thuế của các TCTD, các nghiệp vụ khác có liên quan đến sự phát triển an toàn của thị trường tiền tệ.

*Thứ năm*, NHNN giảm bớt các văn bản chỉ đạo, cuộc họp hành chính và hình thức. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Kéo dài thời gian thực hiện Thông tư 02 đến hết năm 2024; sửa đổi đồng bộ các Thông tư quy định về hoạt động cấp tín dụng của TCTD để đồng bộ với các quy định tại Luật các TCTD năm 2024. NHNN sớm trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 24/NĐ-CP ngày 3/4/2012 và Thông tư số 16/2022/TT-NHNN quy định về hoạt động kinh doanh vàng phù hợp với Luật Các TCTD năm 2024 và thực tiễn thị trường. Đề nghị bãi bỏ tình trạng độc quyền nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh vàng miếng, đảm bảo liên thông giữa thị trường vàng trong nước và thị trường vàng quốc tế. NHNN cần kiên định điều hành ổn định tỷ giá.

*Thứ sáu*, NHNN cần tập trung trong tiếp tục sắp xếp bộ máy hợp lý, chủ động bàn giao nhiều tài sản công sử dụng không hiệu quả, có cơ chế chặt chẽ đối với các đơn vị sự nghiệp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ và quản lý hoạt động ngân hàng.

### ***Kiến nghị 2.3: Đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao năng lực quản trị điều hành các TCTD***

*Thứ nhất*, NHNN cần đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu TCTD giai đoạn đến năm 2025. Chủ đạo xử lý triệt để vấn đề sở hữu chéo trong các NHTM CP và doanh nghiệp sân sau của các thành viên HĐQT NHTM. Yêu cầu NHTM chấm dứt cho vay tập trung các doanh nghiệp, dự án sân sau của tập đoàn. Cố gắng xử lý tối đa sở hữu chéo, chi phối trong NHTM, mặc dù điều này rất khó phát hiện. Cần đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa Agribank, sắp xếp 3 NHTM mua lại O đồng, SCB và một số NHTM CP yếu kém khác.

*Thứ hai*, NHNN chỉ đạo chặt chẽ tăng vốn điều lệ, tăng các tỷ lệ an toàn của các TCTD. Cần có các biện pháp hữu hiệu đồng bộ quyết liệt xử lý nợ xấu.

*Thứ ba*, các TCTD cần đẩy mạnh nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực quản trị rủi ro, quyết liệt xử lý nợ xấu, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ. Chấm dứt tình trạng cho vay tập trung vào một số doanh nghiệp, dự án thuộc hệ sinh thái, hoặc thuộc sân sau của tập đoàn dễ làm mất an toàn và lành mạnh của ngân hàng.

*Thứ tư*, các TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, cắt giảm các loại phí không cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh. Khẩn trương rà soát các dự án, các doanh nghiệp đảm bảo cung ứng tín dụng kịp thời cho các dự án khả thi, hiệu quả, chia sẻ, hỗ trợ doanh nghiệp, khách hàng vay vượt qua khó khăn để tiếp tục quay vòng vốn, trả nợ. Tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục vay vốn, công khai phí, lãi suất... nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn ngân hàng. Giảm lãi suất cho vay hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo xuống bình quân chỉ khoảng 5%, giảm lãi suất cho vay các đối tượng chính sách tại NHCSXH, thấp hơn từ 1,5 - 2% so với mức lãi suất hiện nay.



***Kiến nghị 2.4: Tăng cường xử lý vi phạm, hoàn thiện khung pháp lý, và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển thị trường chứng khoán bền vững***

*Thứ nhất*, UBCKNN khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động TTCK. Lập lại trật tự TTCK, không có ngoại lệ, không có vùng cấm, đưa chủ thể TTCK vào khuôn khổ pháp lý, tuân thủ quy luật của thị trường. Sớm bổ sung Điều 9a **“Giao dịch không ký quỹ 100% tiền của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài”** vào sau Điều 9; Bổ sung Điều 35a **“Thanh toán giao dịch mua chứng khoán không ký quỹ 100% tiền của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài”** vào sau Điều 35; sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan khác của Thông tư số 120/2020/TT- BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu DN, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống GDCK.

*Thứ hai*, UBCKNN đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý thị trường vận hành ổn định, triển khai và tăng cường đầu tư hệ thống KRX và công tác giám sát, kiểm tra, cảnh báo,... kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giám sát, kiểm tra chặt chẽ các tài khoản chứng khoán công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, ngành chứng khoán Việt Nam cần không ngừng hoàn thiện hệ thống giao dịch để xử lý an toàn các lệnh khác nhau, bao gồm cổ phiếu.

*Thứ ba*, UBCKNN tiếp tục nâng cao chất lượng hàng hóa trên TTCK, đảm bảo tất cả các cổ phiếu giao dịch trên thị trường luôn đúng theo quy định, tiêu chuẩn, loại bỏ các cổ phiếu của các DN hoạt động thiếu minh bạch, gian lận báo cáo tài chính. Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, đa dạng hóa cổ phiếu niêm yết trên HOSE từ sàn UPCOM

*Thứ tư*, UBCKNN, các sở giao dịch CK, các đơn vị có liên quan đến TTCK tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển các hình thức đào tạo phù hợp, chú trọng đào tạo quốc tế Cập nhật các nghiệp vụ về quản lý và vận hành, kiểm soát TTCK, trình độ công nghệ thông tin và kỹ năng phân tích, dự báo cho đội ngũ nhân lại các cơ quan nói trên.

*Thứ năm*, Bộ Tài chính, UBCKNN hoàn thiện các điều kiện để nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi. Đây là chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển KT- XH I Việt Nam chuyển đổi thành quốc gia thu nhập trung bình cao vào năm 2035 và quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.

*Thứ sáu*, UBCKNN nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra TTCK; giám sát chặt chẽ hoạt động công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và xử lý vi phạm nghiêm mọi hành vi vi phạm để giữ thị trường minh bạch, công bằng.

*Thứ bảy*, về phía cầu chứng khoán, Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCK NN cần khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức vào thị trường cổ phiếu.

### **Chủ đề 3: Phát triển tín dụng xanh hướng tới nền kinh tế xanh bền vững**

Sự giàu có của nền văn minh nhân loại đang tăng lên từng ngày cùng với sự mở rộng của nền kinh tế toàn cầu, tuy nhiên, đi cùng với đó là những tác động của biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường do tăng trưởng kinh tế gây ra. Do vậy, tăng trưởng xanh có thể giải quyết đồng thời các vấn đề giữa tăng trưởng và môi trường - xã hội, bảo đảm phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường xung quanh. Hiện nay, phát triển bền vững cùng với tăng trưởng xanh đang trở thành

xu hướng phát triển đặc trưng của các quốc gia trên thế giới. Ngoài việc áp dụng chiến lược phát triển kinh tế xanh, nhiều quốc gia còn tập trung vào các hoạt động công nghiệp giảm phát thải, ô nhiễm không khí và bảo tồn năng lượng. Ngành ngân hàng đóng góp đáng kể vào việc thực hiện tăng trưởng xanh với vai trò là công cụ khuyến khích đầu tư tài chính vào các dự án thân thiện với môi trường. Vì thế, mô hình tín dụng xanh được xem là công cụ tài chính có ý nghĩa quan trọng trong việc kiểm soát hành vi bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp và ngăn chặn sự phát triển không kiểm soát của các doanh nghiệp gây ô nhiễm, nguy hại đến môi trường. Nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin đề xuất kiến nghị nhằm phát triển tín dụng xanh tới 3 bên liên quan như sau:

***Kiến nghị 3.1: Hoàn thiện khung pháp lý, cụ thể hóa các tiêu chí xác định dự án “xanh”***

Khung pháp lý và thể chế liên quan đến tín dụng xanh, ngân hàng xanh đã ngày càng được hoàn thiện, nhưng còn mang tính định hướng, chưa có yêu cầu cụ thể với các TCTD về đánh giá yếu tố môi trường và xã hội khi thẩm định tín dụng. Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê nên:

*Một là*, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tín dụng xanh trong các văn bản pháp lý của Chính phủ, NHNN và Luật Các TCTD. Cần có những quy định rõ ràng, chính xác về các vấn đề liên quan đến tín dụng xanh. Hiện các văn bản quy phạm pháp luật thường chỉ đưa ra các quy định khung chung, ít quy định cụ thể, chi tiết về các vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng xanh của các TCTD.

*Hai là*, xây dựng hướng dẫn về danh mục xanh và tiêu chí xác định dự án như thế nào là xanh, và cần có đánh giá phù hợp với từng phân ngành kinh tế của Việt Nam. Đây là cơ sở để các TCTD căn cứ lựa chọn,

thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh cho các dự án. Bên cạnh đó, cần thống nhất các quy định, định nghĩa cụ thể về các danh mục, ngành lĩnh vực xanh có thể áp dụng chung trên cả nước. Điều này cũng sẽ giảm khó khăn cho các TCTD trong việc lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh xác định các lĩnh vực xanh, dự án xanh để thẩm định cho vay.

*Ba là*, xây dựng lộ trình cụ thể cho việc thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ các lĩnh vực, ngành xanh về thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường, quy hoạch, chiến lược phát triển... của từng ngành/lĩnh vực một cách đồng bộ nhằm thu hút và phát huy hiệu quả của nguồn vốn tín dụng xanh. Cơ chế hỗ trợ có thể thực hiện là cho phép bảo lãnh các khoản tín dụng xanh hoặc thành lập định chế tài chính đặc biệt trong cấp tín dụng xanh vào các dự án trọng điểm. Chính phủ cũng có thể nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển bền vững cho các dự án xanh trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước và rà soát lại hệ thống các chính sách hiện hành để đảm bảo tập trung, tránh phân bổ nguồn lực dàn trải.

*Bốn là*, nghiên cứu cơ chế và chính sách hỗ trợ phát triển thị trường vốn xanh. Nguồn vốn cho các hoạt động xanh của ngân hàng hiện nay còn khá hạn chế. Bên cạnh đó, các dự án bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thường có thời gian thu hồi vốn chậm, trong khoảng thời gian dài. Trong khi đó, nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại là vốn ngắn hạn, huy động theo chi phí vốn thương mại trên thị trường nên dẫn đến hiện tượng chi phí cao. Do vậy, cần có chính sách hỗ trợ các TCTD tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, với lãi suất ưu đãi, đồng thời kêu gọi nguồn lực quốc tế cho việc cung ứng vốn cho các dự án xanh. Có thể cân nhắc cho phép không tính nguồn vốn để cho vay các dự án xanh vào tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn và ưu đãi tái cấp vốn, tái chiết

khấu, giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với phần nguồn vốn ngân hàng huy động để tài trợ cho các dự án tín dụng xanh. Tăng giới hạn tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng đạt tiêu chuẩn ngân hàng xanh để hướng đến tài trợ cho các phương án/dự án xanh nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững mà Chính phủ và NHNN đã đặt ra.

### ***Kiến nghị 3.2: Đảm bảo an toàn tài chính của các hoạt động tín dụng xanh***

Vấn đề môi trường ở Việt Nam trong những năm gần đây rất đáng báo động nên NHNN cần tiếp tục đưa ra các giải pháp quyết liệt:

*Một là*, xây dựng và hoàn thiện các quy định về hướng dẫn thực hiện tín dụng xanh cho các tổ chức tín dụng. Trên cơ sở các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản dưới luật có quy định về hoạt động tín dụng xanh, cùng với đó cần tiến hành nghiên cứu và có những hướng dẫn chi tiết về các khâu trong công tác quản lý rủi ro về môi trường đối với hoạt động cấp tín dụng xanh của tổ chức tín dụng. NHNN xem xét lồng ghép các quy định về quản lý rủi ro môi trường - xã hội vào Quy chế cho vay của các TCTD đối với khách hàng, tạo cơ sở pháp lý cho các TCTD thực hiện.

*Hai là*, hoàn thiện các tiêu chuẩn về tín dụng xanh, danh mục các ngành/lĩnh vực xanh để áp dụng chung, thống nhất giữa các TCTD. Các tiêu chuẩn về tín dụng xanh cần được phân loại theo các mục tiêu, lợi ích môi trường, phù hợp với các chỉ tiêu về vấn đề môi trường của Việt Nam và thông lệ quốc tế. Đồng thời, cần nghiên cứu xây dựng danh sách danh mục/ngành nghề nên hạn chế đầu tư và cấp tín dụng do nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

*Ba là*, ban hành các chính sách ưu đãi đối với các TCTD thực hiện cung cấp tín dụng xanh. Đối với các TCTD, NHNN cần nghiên cứu đưa ra các chính sách ưu đãi như giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tăng



“room” tín dụng, tăng cơ hội, và khả năng tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi. Ngoài ra, các chính sách cần xem xét không tính nguồn vốn cung ứng cho các dự án đầu tư xanh vào tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, thực hiện tái cấp vốn, tái chiết khấu với các ưu đãi về thời hạn, lãi suất, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các ngân hàng có hoạt động tín dụng xanh. Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ này cần được NHNN cân nhắc thận trọng, linh hoạt theo hướng vừa đảm bảo được nguồn vốn cho tín dụng xanh vừa đảm bảo ổn định các mục tiêu trong điều hành chính sách tiền tệ.

*Bốn là*, yêu cầu các TCTD hoàn thiện các tiêu chuẩn theo Basel III, đặc biệt là các tiêu chí về quản trị rủi ro do các dự án được tài trợ bởi tín dụng xanh. Bởi nhìn chung, các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án xanh thời gian thường dài, doanh nghiệp phải đối mặt với mức độ rủi ro cao hơn các dự án thông thường khác do tính chuyên biệt và độ phức tạp.

*Năm là*, bổ sung tiêu chí xanh vào các quy định pháp luật về hoạt động cấp tín dụng như Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, Thông tư số 07/2015/TT-NHNN nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài chính – ngân hàng.

*Sáu là*, đẩy nhanh việc ban hành quy định hướng dẫn các TCTD về quản lý rủi ro về môi trường liên quan tới công tác cấp tín dụng xanh. Đặc biệt, văn bản này cần có điều khoản quy định theo hướng khuyến khích về tỷ lệ dư nợ, huy động vốn; Điều chỉnh tỷ lệ quy đổi của khoản dư nợ tín dụng xanh xuống mức thấp hơn khoản tín dụng khác; Tăng tỷ lệ nợ xấu nhằm cho phép ngân hàng cho vay xanh nhiều hơn để khuyến khích.

*Bảy là*, tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của

các TCTD. Tín dụng xanh ngày càng phát triển và trở thành một cấu phần quan trọng của thị trường tín dụng, đòi hỏi phải hoàn thiện cơ chế, quy chuẩn riêng đối với hoạt động tín dụng này. NHNN nghiên cứu bổ sung chế tài xử phạt đối với các ngân hàng, TCTD lợi dụng tín dụng xanh để cấp vốn cho các dự án không đạt yêu cầu.

***Kiến nghị 3.3: Xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách để tín dụng xanh trở thành một trong nền tảng cho sự phát triển ổn định của các TCTD***

*Một là*, hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ liên quan đến công tác tín dụng xanh, ngân hàng xanh. Các TCTD cần xây dựng và công bố chính sách về môi trường trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của NHNN, trong đó bao gồm cam kết quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. TCTD thực hiện đánh giá rủi ro môi trường của khoản cấp tín dụng, là căn cứ để xếp hạng tín dụng khách hàng, xác định lãi suất, chi phí cấp tín dụng và các điều kiện cấp tín dụng phù hợp; Thực hiện phân loại, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với khoản cấp tín dụng được quản lý rủi ro môi trường theo quy định; Tích cực trao đổi và học hỏi áp dụng các chính sách đảm bảo an toàn từ cung cấp tín dụng cho dự án xanh từ các ngân hàng và định chế tài chính quốc tế.

*Hai là*, gắn chính sách về phát triển xanh trong định hướng và chiến lược kế hoạch kinh doanh của TCTD; Xây dựng các chương trình tín dụng xanh theo chiến lược và hướng dẫn chung từ NHNN; Bổ sung bản hướng dẫn cụ thể hơn về đánh giá và giám sát của các dự án cho vay tác động tới môi trường, và doanh nghiệp vay vốn tín dụng xanh trong chiến lược kinh doanh chung của tổ chức.

*Ba là*, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng xanh. Đây là một cơ sở quan trọng cho việc nâng cao tính cạnh tranh giữa

các TCTD trong lĩnh vực tín dụng xanh; Chủ động lựa chọn các sản phẩm dịch vụ mà các quốc gia đi trước đã thực hiện thành công, tiến hành điều chỉnh phù hợp thực tiễn của Việt Nam và tổ chức mình để xây dựng thành danh mục sản phẩm dịch vụ riêng của tổ chức; Liên kết hợp tác với công ty nghiên cứu thị trường có uy tín, thực hiện công tác khảo sát thị trường để có thể đánh giá chính xác nhu cầu và xu hướng sử dụng sản phẩm dịch vụ tín dụng xanh của khách hàng ở hiện tại và trong tương lai.

*Bốn là*, tăng cường nhận thức của đội ngũ cán bộ về công tác tín dụng xanh. Trong đó các TCTD cần tăng cường đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên ngân hàng về công tác thẩm định, đánh giá và quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng đối với các dự án xanh theo tiêu chí đối với các ngành kinh tế liên quan có rủi ro cao nhất đối với môi trường và xã hội mà NHNN đã ban hành trong Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường - xã hội. Chất lượng chuyên môn của cán bộ chuyên trách hoạt động cấp tín dụng xanh là một trong những nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của dòng tín dụng này.

#### **Chủ đề 4: Căng thẳng thương mại và đầu tư quốc tế, và cơ hội cho Việt Nam trong thu hút đầu tư và đổi mới công nghệ**

Hiện nay tình hình kinh tế thế giới xoay chuyển từ đơn cực sang đa cực với sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự chuyển mình mạnh mẽ của Nga trong việc lấy lại vị thế. Hơn nữa, các nước lớn nổi lên sẽ muốn cạnh tranh với vai trò chủ chuỗi cung ứng của mình thay vì phải tham gia vào các chuỗi của đối thủ. Đặc biệt cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung là một ví dụ điển hình và ngay sau đó Ấn Độ cũng công bố chuỗi cung ứng gia vị. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt, quá trình chuyển dịch quyền lực tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt trong lĩnh

vực thương mại và đầu tư, gây ra những ảnh hưởng tới hình thành, dịch chuyển các chuỗi cung ứng toàn cầu, cũng như định hướng lại chiến lược, chính sách của quốc gia, trong đó có Việt Nam. Để quá trình hội nhập có tính bền vững cao hơn, việc tạo ra và củng cố vị thế trong mạng lưới các chuỗi cung ứng toàn cầu là hết sức quan trọng. Nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin đề xuất một số kiến nghị sau:

***Kiến nghị 4.1: Đổi mới chính sách thu hút FDI thể hệ mới hướng vào các công nghệ ít tiêu tốn năng lượng, nhiên liệu, công nghệ ít phế thải, công nghệ khép kín, công nghệ xanh***

Trong bối cảnh hiện nay, FDI gắn với giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái (FDI xanh) đang được nhiều nước quan tâm. Khi một nước nhận được các dự án FDI xanh sẽ có cơ hội đón nhận các công nghệ ít tiêu tốn năng lượng, nhiên liệu, công nghệ thân thiện với môi trường. Điều đó vừa tăng được lợi ích kinh tế quốc gia vừa đảm bảo được môi trường. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Theo tinh thần đó, Việt Nam cần đổi mới chính sách thu hút FDI, chuyển từ thu hút FDI “theo chiều rộng” sang thu hút FDI “theo chiều sâu”, trong đó tập trung khuyến khích thu hút FDI vào công nghệ cao, thân thiện với môi trường, góp phần xanh hóa các ngành kinh tế và bảo vệ môi trường quốc gia, khu vực và thế giới. Để làm được điều này, các Chính phủ và các cơ quan liên quan cần:

*Một là*, hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng ưu tiên thu hút các dự án FDI sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao và có tính lan tỏa, kết nối với các khu vực kinh tế trong nước, chuỗi sản xuất và cung ứng khu vực, toàn cầu. Với việc dịch chuyển chuỗi cung ứng

toàn cầu của Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Việt Nam nên đẩy mạnh thu hút FDI từ Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản vì mang tính chuyển giao công nghệ cao. Phần lớn các nước muốn phát triển đều phải mở cửa đón FDI công nghệ vào để học tập và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nước mình trước khi có tác động tràn đi đầu tư nước khác. Kể cả Trung Quốc ngày nay cũng phải đi theo con đường đó – Lý thuyết Con đường phát triển (IDP). Dấu hiệu, Việt Nam có dấu hiệu chưa ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô đã làm mất nhiều cơ hội về đầu tư công nghệ bán dẫn, công nghệ thông tin và chuyển đổi số so với các nước láng giềng.

*Hai là*, tiếp tục sửa đổi cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút FDI có chọn lọc vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là điện tử, bán dẫn, năng lượng tái tạo và lĩnh vực công nghệ cao. Trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu từ ngày 1/1/2024, việc sửa đổi các cơ chế chính sách này phải đảm bảo không trái với các quy định và cam kết quốc tế, hài hòa lợi ích giữa các nhà đầu tư và Nhà nước, và đối xử công bằng giữa các nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài.

***Kiến nghị 4.2: Tập trung chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng phát triển công nghệ bền vững, tăng trưởng xanh, tăng trưởng bao trùm, kinh tế tuần hoàn, phát triển công nghệ mới hướng tới tiêu dùng xanh***

*Một là*, lập quy hoạch phát triển sản xuất xanh trong tất cả ngành của nền kinh tế hướng tới một nền kinh tế xanh và bền vững. Trong đó, cần tính đến các yếu tố, tác nhân gây ô nhiễm môi trường, suy giảm, thoái hóa tài nguyên thiên nhiên, đồng thời xây dựng các giải pháp tổng thể tối ưu hóa lợi ích quốc gia và bảo vệ tài nguyên môi trường.



*Hai là*, rà soát và hoàn thiện khung pháp lý, chính sách tiêu dùng xanh theo hướng đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và minh bạch. Tiếp tục thực thi chính sách tài chính xanh với thuế và tín dụng ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất, phát triển các loại công nghệ mới hướng tới tiêu dùng xanh, kinh tế tuần hoàn theo chuẩn mực của châu Âu và một số tổ chức quốc tế; khuyến khích sản xuất sử dụng công nghệ giảm thiểu phát thải và lệ thuộc vào nguyên, nhiên liệu hóa thạch, sử dụng rộng rãi nguyên vật liệu tái tạo, tái sinh.

*Ba là*, đẩy mạnh chiến dịch truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi liên quan đến tiêu dùng xanh của doanh nghiệp. Đẩy mạnh tuyên truyền về trách nhiệm xã hội, tầm quan trọng và lợi ích kinh tế từ việc chuyển đổi mô hình sang phát triển công nghệ bền vững, công nghệ xanh và chứng chỉ các bon. Ngoài ra, tuyên truyền để doanh nghiệp tiếp cận được các thông tin và thực hiện có hiệu quả chương trình hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của Nhà nước cho tiêu dùng xanh.

### ***Kiến nghị 4.3: Tập trung phát triển công nghệ lõi của riêng Việt Nam tích hợp chuyển đổi số***

Thực tế phát triển công nghệ trên thế giới cho thấy Việt Nam cần phải tăng cường hợp tác với các đối tác này để tận dụng các cơ hội và điều kiện để phát triển tránh bị tụt hậu về công nghệ đặc biệt là truyền thông, thông tin và chuyển đổi số.

*Một là*, có chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp phát triển, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, đặc biệt là công nghệ có tính ứng dụng cao đối với các ngành công nghiệp mũi nhọn ở Việt Nam. Trong tương lai, nhiều ngành nghề và dịch vụ đơn giản

sẽ bị loại bỏ do việc chuyển đổi số và công nghệ robot, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI)... Việt Nam cần đẩy nhanh chuyển đổi số, tập trung phát triển công nghệ thông tin, công nghệ số thay thế sức lao động và ít bị ảnh hưởng của dịch bệnh trong tương lai; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số; xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số, thúc đẩy phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, chính sách xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp công nghệ số.

*Hai là*, xây dựng dự án nghiên cứu công nghệ khai thác chế biến đất hiếm và ứng dụng đất hiếm trong những sản phẩm công nghiệp có giá trị cao.

*Ba là*, có cơ chế bảo vệ quyền lợi sáng chế công nghệ rõ ràng, có chế tài xử lý vi phạm bản quyền sáng chế. Điều này đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp có sáng chế khoa học tạo ra lợi nhuận bền vững, tạo động lực cho doanh nghiệp tiếp tục nghiên cứu.

*Bốn là*, kết hợp giữa khối doanh nghiệp tư nhân và khối doanh nghiệp nhà nước phát triển các công nghệ lõi, công nghệ cao, có tính ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành nghề. Phát triển doanh nghiệp đầu ngành tự chủ công nghệ lõi phục vụ các ngành thiết yếu như nông nghiệp, may mặc, thiết bị y tế, viễn thông.

*Năm là*, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp chuyên nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ngay trong các viện nghiên cứu và trường đại học. Khuyến khích sự kết hợp giữa chuyên ngành khoa học máy tính, khoa học công nghệ và các lĩnh vực kinh doanh, chế tạo. Xây dựng các quỹ đầu tư mạo hiểm, hoặc liên kết tài trợ cho việc đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nhân lực, tiếp cận công nghệ thế giới nhanh chóng hơn. Khi đủ năng lực về vốn,

công nghệ và quản lý sẽ vươn dần lên trong chuỗi cung ứng, thậm chí trở thành các doanh nghiệp cốt lõi của chuỗi, làm chủ chuỗi sẽ thay đổi được vị thế tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu của Việt Nam.

#### ***Kiến nghị 4.4: Phát triển cơ sở hạ tầng thương mại điện tử phục vụ xuất khẩu***

Ngoài thúc đẩy nền kinh tế nội địa, TMĐT là một kênh hiệu quả cho xuất khẩu, đặc biệt là đối với các DNNVV. Lợi ích từ TMĐT đến từ nguồn dữ liệu lớn (Big Data), có ý nghĩa lớn trong việc phân tích, dự báo nhu cầu các ngành hàng, từ đó phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, những nguồn lực này lại đang nằm trong tay các doanh nghiệp nước ngoài khi mà các sàn TMĐT lớn nhất tại Việt Nam lần lượt là Shopee (Singapore), Lazada (Trung Quốc), Tiktok (Singapore), chiếm đến gần 99% thị phần TMĐT Việt Nam Quý III, 2023. Do đó, Việt Nam cần:

- Có chính sách hỗ trợ thuế, phí cho các mặt hàng trong các ngành mũi nhọn, có nguồn gốc Việt Nam xuất khẩu qua sàn TMĐT xuyên biên giới.

- Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, nhà bán lẻ trong vấn đề số hoá doanh nghiệp. Các cơ quan và doanh nghiệp đầu ngành lên kế hoạch đẩy mạnh xây dựng bộ cơ sở dữ liệu lớn.

- Cập nhật liên tục chính sách liên quan đến an ninh mạng để phù hợp với tình hình phát triển công nghệ chung của thế giới. Hạn chế tình trạng lỏng lẻo dẫn đến lừa đảo trong môi trường mạng, nhưng cũng đủ thông thoáng để khuyến khích đầu tư.

- Đẩy mạnh khuyến khích người dân và doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt, tạo thói quen cho người dân sử dụng sàn TMĐT và tạo sự minh bạch trong chỉ tiêu doanh nghiệp.

- Hợp tác với các sàn TMĐT lớn như Amazon (Mỹ), Shopee (Singapore) nâng cao năng lực, kiến thức, hiểu biết về quy trình, luật pháp về xuất khẩu qua sàn TMĐT.

***Kiến nghị 4.5: Tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực ngành công nghệ cao, tiếp cận công nghệ thế giới nhanh chóng hơn***

Hiện nay, thời điểm thu hút đầu tư nước ngoài bằng việc miễn giảm thuế thu nhập sẽ không còn hiệu quả khi áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu 15%. Hơn nữa, tận dụng lao động rẻ và dân số vàng của Việt Nam đang mất lợi thế rất nhanh khi cạnh tranh với các nước khác trong khu vực. Do đó, Việt Nam nên chú trọng thu hút FDI bằng nhân lực chất lượng cao, bằng sự minh bạch, công bằng, dân chủ sẽ đảm bảo cải thiện vị thế tham gia của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc:

*Một*, tạo điều kiện để các khoá học ngắn hạn có cấp chứng chỉ được chấp nhận chính thức và phổ biến rộng rãi. Hiện nay nhiều tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới (Meta, Google) đã chấp nhận những khoá học ngắn hạn có cấp chứng chỉ do chính các trường đại học hay tập đoàn lớn như Đại học Harvard, Google, IBM (Mỹ) tổ chức. Trong đó có nhiều khoá học về khoa học dữ liệu, phát triển phần mềm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Đây là giải pháp hữu hiệu để giải quyết nhu cầu nhân lực cấp thiết trong ngắn hạn. Hiện nay ở thị trường Việt Nam nhiều công ty công nghệ cũng đã bắt đầu tuyển dụng nhân sự dựa trên những chứng chỉ ngắn hạn cho một vài ngành nghề đặc thù như marketing, phát triển phần mềm, phân tích xử lý dữ liệu. Các khoá học ngắn hạn cũng giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề trước khi có sự đầu tư dài hạn.

*Hai*, có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cần bám sát chiến lược phát triển kinh tế toàn diện với tầm nhìn dài hạn để đạt được sự phát triển bền vững. Đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách ưu đãi đặc thù cho đào tạo nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghệ cao, đặc biệt là ngành công nghiệp bán dẫn, công nghiệp năng lượng, công nghiệp sinh học, công nghiệp vật liệu mới và nano, công nghiệp chế tạo và tự động hóa. Trong đó, cần tạo sự đột phá về chính sách đãi ngộ, tiền lương linh hoạt theo tiêu chí tài năng và hiệu quả đóng góp cho xã hội; tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến, tôn vinh những tài năng, dám nghĩ, dám làm và dám đổi mới,.

*Ba*, bám sát xu hướng công nghệ trên thế giới và phân tích tác động của nó trong sự thay đổi nhu cầu nhân sự đặc biệt là trong các ngành khoa học công nghệ, khoa học máy tính, dữ liệu, và trí tuệ nhân tạo. Đội ngũ giảng viên cần có kế hoạch tập huấn, học hỏi, trau dồi, phát triển năng lực thường xuyên từ các tập đoàn đầu ngành. Điều này không chỉ đảm bảo trình độ chuyên môn cho giảng viên mà còn giúp giảng viên và các cơ quan đào tạo nắm bắt được xu thế thay đổi của công nghệ và các xu hướng nghề nghiệp trong tương lai ngắn và dài hạn. Tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với nhà tuyển dụng để có định hướng đúng đắn hơn về cơ hội nghề nghiệp. Ngoài ra, tổ chức các chương trình hướng về Việt Nam, chương trình hướng dẫn (mentor) kết nối chuyên gia người Việt tại nước ngoài với sinh viên Việt Nam trên diện rộng.

### **Chủ đề 5: Đẩy mạnh chuyển đổi từ sản xuất lúa gạo truyền thống sang mô hình carbon thấp**

Việt Nam cam kết mạnh mẽ trong tiến trình thực hiện mục tiêu đưa phát thải ròng về 0 (không) trong giai đoạn 2030-2050. Nông nghiệp là lĩnh vực chiếm 30% tổng lượng phát thải khí nhà kính



Việt Nam vào năm 2023, tập trung chủ yếu ở một số lĩnh vực trong đó có sản xuất lúa gạo. Tuy nhiên, lúa là cây trồng chính của Việt Nam và có tầm quan trọng đặc biệt đối với an ninh lương thực, do đó, việc cắt giảm sản lượng lúa là một thách thức. Thay vào đó, chuyển đổi sang mô hình sản xuất lúa gạo carbon thấp là một chiến lược phát triển nông nghiệp bền vững và nằm trong nỗ lực để Việt Nam thực hiện tiến trình đưa rác thải ròng về 0. Nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đề xuất một số kiến nghị sau nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi sang mô hình này:

***Kiến nghị 5.1: Triển khai cơ chế bù trừ và trao đổi tín chỉ carbon cho các mô hình trồng lúa carbon thấp***

Cơ chế trao đổi tín chỉ carbon và thị trường tín chỉ carbon sẽ mang lại nhiều nguồn lợi thúc đẩy việc chuyển đổi sang mô hình trồng lúa carbon thấp. Doanh thu từ việc trao đổi giấy phép carbon có thể dùng để tái đầu tư vào mô hình sản xuất. Một số đề xuất nhằm triển khai cơ chế này một cách hiệu quả như sau:

*- Triển khai thí điểm cơ chế bù trừ carbon theo cấp địa phương:*

Thị trường carbon với quy mô và phạm vi rộng và phức tạp thường sẽ mang lại nhiều hiệu quả hơn nhưng đồng thời đòi hỏi sự chuẩn bị và cơ sở pháp lý, kỹ thuật chi tiết và chặt chẽ. Để triển khai thị trường carbon, cần có một hệ thống thuế, phí và mua bán hạn ngạch và việc này đòi hỏi phải thực hiện trong thời gian dài. Ở giai đoạn ban đầu, Việt Nam cần cân nhắc về mức độ quy mô khi thiết lập thị trường, có thể thí điểm ở quy mô ngành (như Liên minh châu Âu) hoặc dạng tự nguyện (như Thái Lan), hoặc cơ chế cấp địa phương (như Trung Quốc). Việt Nam có thể áp dụng bài học từ Thái Lan khi thiết lập các cơ chế trao đổi tín chỉ carbon tự nguyện trước khi triển khai thị trường carbon bắt buộc. Chương trình bù đắp

carbon sẽ có thể tận dụng được sự đóng góp của các bên tham gia (tổ chức trong nước và quốc tế, các quỹ carbon) để hỗ trợ các hoạt động giảm phát khí thải trong nước. Trong thời gian ngắn, việc bù đắp carbon sẽ có nhiều thuận lợi hơn. Một thuận lợi khác của Việt Nam là đã có nhiều năm kinh nghiệm và hoạt động tích cực trong các cơ chế tạo tín chỉ song phương và đa phương như CDM và JCM.

*- Đưa ra lộ trình tham gia thị trường carbon cụ thể đối với mô hình trồng lúa carbon thấp. Hoàn thiện khung pháp lý để người nông dân có thể tiếp cận các nguồn doanh thu và đầu tư thông qua các chương trình trao đổi và thương mại tín chỉ carbon.*

Nghị định số 06/2022/ND-CP ngày 07/01/2022 về quy định giảm nhẹ phát thải nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn đưa ra lộ trình triển khai thị trường carbon trong nước. Theo đó, giai đoạn từ nay đến hết năm 2027 sẽ tập trung xây dựng các hệ thống pháp lý để quản lý tín chỉ, trao đổi và vận hàng trên sàn giao dịch. Từ năm 2028 trở đi sẽ tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon chính thức. Việt Nam cần sớm thực hiện các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon theo quy định tại Điều 6 Thỏa thuận Paris về thành lập và vận hành thị trường carbon trong nước. Đối với mô hình trồng lúa carbon thấp, cần phải đưa ra một lộ trình cụ thể tương ứng với thời điểm triển khai thị trường các-bon trong nước nói chung. Lĩnh vực nông nghiệp nói chung và trồng lúa nói riêng có thể thực hiện các chính sách đơn giản hơn khi mức độ sẵn sàng tham gia giao dịch là thấp và tăng dần lên các hệ thống phức tạp hơn theo thời gian.

*- Phát triển hệ thống Đo đạc, Báo cáo và Thẩm tra (MRV), thu thập và thử nghiệm dữ liệu từ việc để các khu vực tự nguyện thiết lập và phân bổ mục tiêu.*

Bất kỳ thị trường carbon nào cũng cần phải xây dựng hệ thống MRV. Triển khai thành công hệ thống MRV có thể xem là một trong

những bước đầu tiên để tiến tới hình thành thị trường carbon trong nước. Phương pháp đo lường và đánh giá phát thải là một quy trình ràng buộc bởi các cam kết của quốc gia để tạo thành các khuôn khổ pháp lý cho hệ thống MRV. Vì vậy, đối với các mô hình trồng lúa carbon thấp, trước hết cần xây dựng hệ thống MRV đối với lĩnh vực này với các quy định, quy trình đo đạc, báo cáo và thẩm định rõ ràng, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của các cơ quan về công tác đo đạc, báo cáo và thẩm định. Việc xây dựng hệ thống MRV có thể lấy kinh nghiệm từ dự án thí điểm VnSAT và các dự án CDM, JCM đã thực hiện ở Việt Nam. Hệ thống MRV có thể giúp nhà quản lý xây dựng được hệ thống dữ liệu thử nghiệm đối với lượng giảm thải carbon ở mô hình trồng lúa carbon thấp trên các khu vực.

*- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người nông dân về tín chỉ carbon và cách thức vận hành của các cơ chế bù trừ cũng như trao đổi carbon.*

Thị trường carbon và các cơ chế bù trừ tín chỉ carbon là lĩnh vực rất mới, đặc biệt đối với lĩnh vực nông nghiệp nói chung và trồng lúa nói riêng. Vì vậy, nâng cao nhận thức của người nông dân về lợi ích của việc tham gia vào các chương trình này là những bước quan trọng. Thứ nhất, cần cung cấp các khóa đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho doanh nghiệp và người nông dân. Thứ hai, cần triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật để người dân thuận tiện trong việc tiếp cận tín chỉ carbon.

***Kiến nghị 5.2: Tạo các điều kiện thúc đẩy tài chính hướng tới mô hình trồng lúa carbon thấp***

*- Hoàn thiện khung pháp lý, các tiêu chí cụ thể để đưa các mô hình lúa gạo carbon thấp vào danh mục được cấp tín dụng xanh*

Trong nỗ lực hướng đến các mục tiêu đặt ra trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 do Chính phủ đặt ra, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện nhiều kế hoạch và Chương trình hành động, trong đó có tăng tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng của hệ thống các tổ chức tín dụng, Thông tư hướng dẫn các tổ chức tín dụng quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh. Mặc dù mức tăng trưởng dư nợ đối với các lĩnh vực xanh khá cao (khoảng 23%/năm trong giai đoạn 2017-2022), tập trung chủ yếu vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, nông nghiệp xanh, tuy nhiên, hiện nay chưa có khung pháp lý, tiêu chí môi trường, danh mục dự án xanh nên chưa xây dựng được căn cứ và tiêu chí cụ thể để phân loại dự án xanh. Điều này gây ra nhiều hạn chế cho quá trình thẩm định cấp tín dụng xanh.

Vì vậy, Bộ NN&PTNT, Bộ TNMT và NHNN cần phối hợp để hoàn thiện các khung pháp lý, hướng dẫn về các tiêu chí môi trường và việc xác nhận mô hình trồng lúa carbon thấp là phù hợp với phân ngành kinh tế, quy định về tiêu chí để tạo điều kiện và căn cứ cho quá trình thẩm định, đánh giá và giám sát của các tổ chức tín dụng khi thực hiện cấp tín dụng xanh.

*- Khuyến khích người nông dân đầu tư vào mô hình lúa gạo carbon thấp thông qua nâng cao hiểu biết và chính sách hỗ trợ*

Hệ thống và các trung tâm khuyến nông cần tuyên truyền, hỗ trợ người nông dân trong việc tiếp cận thông tin, nâng cao hiểu biết về dịch vụ tài chính ngân hàng, tín dụng vi mô và các nguồn tín dụng chính thức. Các ngân hàng và tổ chức tín dụng có thể phối hợp cùng trung tâm khuyến nông để mở các lớp tập huấn, phổ biến kiến

thức về các nguồn vốn và vai trò của tín dụng trong các mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững. Nông dân cần được cập nhật các thông tin về các hình thức thế chấp khác nhau khi vay vốn, chương trình vay tín dụng tiêu dùng không cần thế chấp, vay thấu chi tại thị trường nông thôn.

Ngân hàng nhà nước cần tăng khả năng cung ứng vốn cho các nông dân. Kéo dài thời gian vay, cơ chế bảo lãnh đặc thù và thiết kế các điều kiện vay phù hợp với mô hình trồng lúa carbon thấp. Ngoài ra, Bộ TNMT cần có cơ chế định giá đất trồng lúa với các địa phương áp dụng mô hình trồng lúa carbon thấp nói riêng và nông nghiệp bền vững nói chung để tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nông dân bảo lãnh các khoản vay.

***Kiến nghị 5.3: Xây dựng mối liên kết giữa người sản xuất (quy trình sản xuất) và người tiêu dùng (thị trường) thông qua chứng nhận chất lượng về lúa gạo trồng theo mô hình carbon thấp***

Liên kết giữa thị trường và sản xuất đối với lúa gạo carbon thấp có thể thúc đẩy người nông dân chuyển sang mô hình trồng lúa carbon thấp. Theo đó, người nông dân có động lực chuyển đổi sang mô hình sản xuất carbon thấp khi thị trường công nhận và có nhu cầu về loại lúa này. Một trong những cách thức để nông dân có thể tiếp cận các cơ hội thị trường là bằng cách thông qua các chứng nhận chất lượng của sản phẩm nông nghiệp, tạo ra mối liên kết giữa quy trình sản xuất và thị trường. *Bộ NN&PTNT cần thống nhất và đưa ra các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với quy trình sản xuất lúa gạo carbon thấp.*

Hiện nay, nhiều giải pháp canh tác lúa carbon thấp đã được giới thiệu, áp dụng thử nghiệm ở một số khu vực và chứng minh được tính khả thi về kinh tế. Một số chương trình như kỹ thuật “1 phải 5 giảm” được áp dụng trong dự án VnSAT, Quy chuẩn canh tác bền



vững SRP được áp dụng trong “Đề án Phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030”, chương trình “3 giảm 3 tăng”, một số kỹ thuật được áp dụng riêng lẻ của từng tỉnh như kỹ thuật “1 phải 6 giảm” áp dụng tại Kiên Giang. Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp cũng đưa ra các quy trình trồng lúa bền vững áp dụng riêng cho doanh nghiệp. Trên thực tế, việc đưa ra một mô hình chung và thống nhất còn gặp nhiều khó khăn cho điều kiện khí hậu, canh tác và tài nguyên của mỗi khu vực đều khác nhau. Vì vậy, để có thể đưa ra chứng nhận chất lượng đối với các mô hình lúa gạo carbon thấp, các chuyên gia cần nghiên cứu và thống nhất bộ tiêu chuẩn.

*- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) phối hợp với Cục Trồng trọt (Bộ NN&PTNT) cập nhật và tích hợp các tiêu chuẩn về lúa gạo carbon thấp vào các chứng nhận chất lượng hiện có và đưa ra các chứng nhận chất lượng mới.*

Việc đưa các tiêu chuẩn về trồng lúa carbon thấp vào chứng nhận chất lượng có thể: (i) thúc đẩy sản xuất xanh bằng cách kiểm soát chặt chẽ các yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp tại nguồn và (ii) nâng cao khả năng cạnh tranh thị trường của các sản phẩm lúa gạo carbon thấp và thúc đẩy tăng trưởng thu nhập của nông dân, từ đó thúc đẩy nông dân thực hành sản xuất lúa gạo carbon thấp.

Hiện nay, Việt Nam đã có một số chứng nhận chất lượng cho lúa gạo, ví dụ: tiêu chuẩn quốc gia TCVN về nông nghiệp hữu cơ cho lúa gạo, Nghị định số 103/2020/NĐ-CP quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu, Global GAP (tiêu chuẩn chứng nhận thực hành sản xuất nông nghiệp tốt toàn cầu); ISO 22000 (tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm); HACCP (hệ thống quản lý chất lượng dựa trên cơ sở phân tích các mối nguy và các điểm kiểm soát trọng yếu); Chứng nhận JAS (tiêu

chuẩn hữu cơ Nhật Bản, áp dụng cho dòng gạo hữu cơ). Có thể tích hợp tiêu chuẩn của các chứng nhận chất lượng này cho các mô hình trồng lúa carbon thấp. Bên cạnh đó, có thể đưa ra các khung tiêu chuẩn quốc gia và chứng nhận về mô hình trồng lúa carbon thấp.

Ngoài ra, Bộ NN&PTNT, Bộ KH&CN cần tăng cường quảng bá trên các phương tiện truyền thông đại chúng về lợi ích của các sản phẩm sản xuất theo quy trình giảm phát thải nói chung và lúa gạo carbon thấp nói riêng, nhằm tăng độ nhận diện và từng bước thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng, từ đó có thể tạo lập và phát triển thị trường lúa gạo carbon thấp, thúc đẩy mô hình sản xuất lúa gạo này.

*- Dựa vào nguồn tài nguyên bản địa, Bộ NN&PTNT phối hợp Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo dựa trên thương hiệu và kết hợp các đặc điểm về văn hóa, lịch sử, địa lý của khu vực để thúc đẩy cộng đồng trồng lúa phát triển bền vững.*

## **Chủ đề 6: Sửa đổi quy định về đội ngũ tư vấn xác định giá đất theo yêu cầu của Luật đất đai 2024**

Tư vấn xác định giá đất là hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực đất đai, việc thực hiện tư vấn xác định giá đất bao gồm các trường hợp như là: xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất và định giá đất cụ thể mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu; khi giải quyết khiếu nại về giá đất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc của các bên có liên quan và khi thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến giá đất cụ thể mà các bên có yêu cầu v.v. Để cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất cần phải có đội ngũ tư vấn - các cá nhân và tổ chức - đáp ứng được yêu cầu của pháp luật và nhu cầu thị trường. Ở Việt Nam, đội ngũ tư vấn và cung cấp dịch vụ liên quan đến xác định giá đất hiện nay được điều chỉnh bởi các quy định của Luật Đất đai và Luật Giá. Trong thời gian tới, Luật Đất đai 2024 sửa đổi và

Luật Giá 2023 sửa đổi sẽ có hiệu lực và triển khai trong thực tế. Vì vậy, cần có những quy định cụ thể liên quan đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ hành nghề và quản lý đội ngũ cung cấp dịch vụ tư vấn. Trong phạm vi báo cáo này, nhóm nghiên cứu đề xuất, kiến nghị tập trung vào 04 nhóm vấn đề liên quan đến các quy định điều chỉnh có liên quan đến đội ngũ tư vấn xác định giá đất nhằm đáp ứng các yêu cầu trong triển khai Luật đất đai 2024 thời gian tới:

***Kiến nghị 6.1: Điều chỉnh, cập nhật hoàn thiện nội dung khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất***

Hiện nay, nội dung các chuyên đề của khóa đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề Định giá đất của Trường đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ tài nguyên môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu của Luật đất đai sửa đổi 2024 khi quy định việc xây dựng bảng giá đất theo vùng giá trị, thửa đất chuẩn đối với khu vực có bản đồ địa chính số và cơ sở dữ liệu về giá đất (điều 159, 160 của Luật đất đai sửa đổi). Chính vì vậy, cần phải có những nội dung điều chỉnh khung chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức định giá đất phù hợp với yêu cầu, quy định về giá đất theo Luật Đất đai 2024 (các quy định về khung chương trình cần phải cụ thể hóa trong Thông tư hướng dẫn Nghị định Quy định về giá đất).

- Bổ sung chuyên đề “Vùng giá trị đất và kỹ thuật định giá đất hàng loạt (CAMA)” và chuyên đề ” Hệ thống thông tin và Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất” trong nội dung và chương trình đào tạo về nghiệp vụ định giá đất;

- Tăng cường thời lượng đào tạo của một lớp bồi dưỡng theo hướng: Thời lượng tối thiểu cho một lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức về định giá là 130 giờ, chưa bao gồm thời gian ôn tập và kiểm tra đánh giá kết quả học tập; Cần tăng cường thời lượng thực hành và giải quyết các tình huống thực tế.

- Nội dung đào tạo phần kiến thức chung và chuyên môn cần đảm bảo phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành; Nội dung đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phải đảm bảo thường xuyên cập nhật, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu của người tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức;

- Bổ sung quy định khi kết thúc khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất, đơn vị đào tạo phải tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Nội dung các bài kiểm tra, đánh giá phải thể hiện được những kiến thức cơ bản của các chuyên đề trong chương trình học và xử lý các tình huống trên thực tế.

***Kiến nghị 6.2: Tăng số lượng các cơ sở đào tạo, gắn liền với việc nâng cao tiêu chuẩn của các cơ sở tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất***

Các khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức định giá đất trên phạm vi cả nước hiện đang tập trung chủ yếu cho đội ngũ cán bộ thuộc các Sở Tài nguyên và Môi trường ở các địa phương. Vì vậy, kết quả đào tạo bồi dưỡng kiến thức về định giá đất chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn cả về số lượng và chất lượng đào tạo. Có một số bộ phận các cá nhân đang công tác ở các doanh nghiệp thẩm định giá, và các cá nhân khác có nhu cầu tham gia đào tạo khóa bồi dưỡng định giá đất nhưng thường khó tiếp cận với các khóa đào tạo. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo định giá đất theo tinh thần của Luật Đất đai 2024, thời gian tới cần phải xem xét điều chỉnh quy định liên quan đến cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất.

- Mở rộng các đơn vị đào tạo theo hướng quy định rõ đơn vị đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về định giá đất cần đáp ứng đủ các yêu cầu: i) Các cơ sở giáo dục đại học có ngành/chuyên ngành đào tạo chính quy về quản lý đất đai, định giá đất đáp ứng theo quy định

của pháp luật giáo dục – đào tạo; ii) Các đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; iii) Hội nghề nghiệp về tư vấn giá đất.

- Quy định rõ các tiêu chuẩn đối với đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức định giá đất, ví dụ như: (i) xây dựng các tiêu chí về đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng; (ii) Có kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phù hợp; (iii) đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức được tổ chức dưới hình thức lớp học trực tiếp hoặc online, trong đó thời gian học trực tiếp tập trung đảm bảo tối thiểu là 80% tổng thời lượng khóa đào tạo; (iv) Khóa đào tạo về nghiệp vụ định giá đất được tổ chức một kỳ liên tục hoặc nhiều kỳ nhưng không kéo dài quá 3 (ba) tháng cho một khóa học và phải đảm bảo dạy và học đủ thời lượng, nội dung và chương trình đào tạo; (v) Đơn vị tổ chức đào tạo thực hiện việc biên soạn tài liệu đào tạo nghiệp vụ định giá đất theo nội dung của khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành; (vi) Đơn vị đào tạo tổ chức lớp cập nhật kiến thức về định giá đất được tổ chức tập trung một kỳ liên tục và phải đảm bảo đủ thời gian, nội dung và tài liệu theo các quy định.

***Kiến nghị 6.3: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất***

Hiện nay, công tác quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ yếu tập trung khâu cuối cùng của quá trình xét duyệt, cấp chứng chỉ định giá đất, mà còn bỏ ngoài việc quản lý đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về định giá đất. Do đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần:

- Ban hành điều khoản quy định rõ về quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về định giá đất trong Nghị định quy định về giá đất;



- Quy định về chế độ báo cáo việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức định giá đất của các đơn vị đào tạo (quy định thực hiện báo cáo định kỳ hàng Quý hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu);

- Hướng dẫn mẫu biểu, yêu cầu của việc lưu trữ hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức định giá đất của các đơn vị đào tạo;

- Định kỳ hoặc đột xuất, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất ) tiến hành kiểm tra việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về định giá đất của các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; xử lý các hành vi vi phạm.

***Kiến nghị 6.4: Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất***

Thực tiễn cho tới nay, dường như chưa ghi nhận thông báo công khai các trường hợp xử lý thu hồi chứng chỉ định giá đất trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong khi đó, thời gian qua, có rất nhiều vụ án liên quan đến sai phạm của các định giá viên trong định giá đất và tư vấn xác định giá đất. Điều 162 Luật Đất đai 2024 có quy định tổ chức tư vấn xác định giá đất có trách nhiệm đăng kí danh sách định giá viên và thay đổi, bổ sung danh sách định giá viên với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nơi đăng kí trụ sở chính. Do đó, cần tăng cường công tác quản lý đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất:

- Ban hành các quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm của các bên liên quan đến quá trình tư vấn giá đất. Trong đó, quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm và điều kiện của cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn giá đất;

- Đối với các cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất, cần ban hành quy định xác định rõ: (i) Cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất không được thực hiện đăng ký hành nghề tư vấn xác định giá đất trong cùng một thời gian cho từ hai tổ chức tư vấn xác

định giá đất trở lên; (ii) Cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký hành nghề tư vấn xác định giá đất; (iii) Cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất cần phải tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và quy trình định giá trong quá trình hành nghề tư vấn xác định giá đất.

- Đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất, cần ban hành quy định xác định rõ: (i) Tổ chức tư vấn giá đất có văn bản thông báo về việc cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nơi đăng ký trụ sở chính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thông qua: đường bưu điện, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có); (ii) Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn xác định giá đất có trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động của cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất/ định giá viên về giá tại đơn vị của mình theo quy định của Luật Đất đai và pháp luật có liên quan; (iii) Hằng năm tổ chức tư vấn định giá đất có trách nhiệm đăng ký danh sách cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất tại tổ chức mình tại cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh nơi đăng ký trụ sở chính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ban hành một điều khoản quy định về hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với các tổ chức tư vấn xác định giá đất; Các hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện những sai phạm, có phương án xử kịp thời cũng như thúc đẩy tính chính xác, minh bạch trong công tác cung cấp dịch vụ tư vấn giá đất.

\*\*\*

*Trên đây là những kiến nghị cụ thể được chốt lọc và rút ra từ những những hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hi vọng rằng các kiến nghị có thể đóng góp vào quá trình phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh mới.*